

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 03, ngày 31/7/2022)

(Ban hành theo Quyết định số 819/2022/VHU/QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.03.001	171A140067	Nguyễn Thị Bảo	An	26/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	9.0	7.0	5.5	28.5	7.1	Đậu	
2	VHU.TAC1.03.002	171A140413	Ngô Ngọc Hoàng	An	25/11/1998	Đồng Nai	6.0	7.5	7.0	4.5	25.0	6.3	Đậu	
3	VHU.TAC1.03.003	171A140137	Lê Thị Thúy	An	04/01/1999	Tây Ninh	7.0	3.5	4.5	1.5	16.5	4.1	Rớt	
4	VHU.TAC1.03.004	171A140414	Phạm Thị Phương	Anh	25/02/1999	Thanh Hoá	5.5	8.5	7.5	6.5	28.0	7.0	Đậu	
5	VHU.TAC1.03.005	171A140151	Trương Thị Hồng	Anh	13/12/1998	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
6	VHU.TAC1.03.006	181A140313	Phạm Ngọc Loan	Anh	23/12/2000	Đồng Nai	7.0	5.5	6.0	7.0	25.5	6.4	Đậu	
7	VHU.TAC1.03.007	171A140292	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/1999	An Giang	7.0	8.0	8.0	5.0	28.0	7.0	Đậu	
8	VHU.TAC1.03.008	161A140310	Phạm Công	Danh	05/03/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
9	VHU.TAC1.03.009	181A140466	Phạm Thị Hồng	Đào	24/04/2000	An Giang	5.5	3.0	5.5	0.5	14.5	3.6	Rớt	
10	VHU.TAC1.03.010	151A140039	Lục Tuấn	Đạt	11/09/1997	TP. Hồ Chí Minh	8.0	7.0	5.5	5.5	26.0	6.5	Đậu	BL: Nói: 8.0 Đọc: 5.5, Viết: 5.5
11	VHU.TAC1.03.011	181A140311	Nguyễn Hồng Xuân	Diệu	21/01/2000	Đồng Nai	7.0	7.5	8.5	7.0	30.0	7.5	Đậu	
12	VHU.TAC1.03.012	181A140002	Hà Nhã	Đình	05/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	3.5	8.0	4.5	21.0	5.3	Đậu	
13	VHU.TAC1.03.013	181A140344	Nguyễn Thị Thuý	Dương	31/03/2000	Đồng Tháp	7.0	9.0	7.5	6.5	30.0	7.5	Đậu	
14	VHU.TAC1.03.014	181A140333	Trương Công	Duy	20/01/2000	Tây Ninh	7.0	4.0	6.5	6.5	24.0	6.0	Đậu	
15	VHU.TAC1.03.015	181A140455	H ỮU Ồ L	Êban	18/10/1998	Đắk Lắk	7.5	3.0	5.0	4.5	20.0	5.0	Đậu	
16	VHU.TAC1.03.016	181A140003	Nguyễn Trường	Giang	25/04/1998	Phú Yên	8.5	7.5	5.5	7.5	29.0	7.3	Đậu	
17	VHU.TAC1.03.017	171A140394	Lê Thị Thu	Hà	24/01/1999	Tiền Giang	6.0	2.5	6.0	3.5	18.0	4.5	Rớt	
18	VHU.TAC1.03.018	151A140184	Phan Lê Thúy	Hằng	15/05/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
19	VHU.TAC1.03.019	171A140098	Đoàn Thị Thu	Hằng	29/7/1999	TP. Hồ Chí Minh	8.0	6.5	7.5	5.5	27.5	6.9	Đậu	
20	VHU.TAC1.03.020	161A140306	Đồng Thuý	Hương	23/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	1.0	3.0	1.0	10.0	2.5	Rớt	
21	VHU.TAC1.03.021	171A140101	Trần Thị Diễm	Hương	26/08/1999	Bến Tre	6.0	3.5	6.0	3.5	19.0	4.8	Rớt	
22	VHU.TAC1.03.022	161A140248	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	08/06/1998	Đồng Nai	6.5	8.5	6.0	5.5	26.5	6.6	Đậu	
23	VHU.TAC1.03.023	171A140227	Bùi Mộng	Kha	26/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.0	2.0	2.5	3.0	14.5	3.6	Rớt	
24	VHU.TAC1.03.024	171A140116	Lâm	Khang	10/05/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	4.0	6.5	4.5	22.0	5.5	Đậu	
25	VHU.TAC1.03.025	151A140195	Phạm Anh	Kiệt	10/05/1997	Long An					0.0	0.0	Rớt	Vắng
26	VHU.TAC1.03.026	191A140250	Trần Thị Mộng	Kiều	19/05/2001	Bến Tre	5.5	7.5	8.0	5.5	26.5	6.6	Đậu	
27	VHU.TAC1.03.027	161A140202	Giang Phụng	Kim	19/07/1998	Kiên Giang	6.5	4.5	5.0	3.5	19.5	4.9	Rớt	
28	VHU.TAC1.03.028	131A140058	Huỳnh Thiên	Lâm	10/09/1995	Tiền Giang		9.5	7.5	0.0	17.0	4.3	Rớt	
29	VHU.TAC1.03.029	142A580039	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	29/07/1995	Bến Tre					0.0	0.0	Rớt	Vắng
30	VHU.TAC1.03.030	141A140062	Nguyễn Thanh	Loan	20/03/1996	TP. Hồ Chí Minh	5.5	9.0	7.5	4.5	26.5	6.6	Đậu	
31	VHU.TAC1.03.031	171A140169	Lê Hoàng	Lộc	02/06/1999	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
32	VHU.TAC1.03.032	171A140126	Phạm Thế	Long	30/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	5.5	3.0	1.0	3.0	12.5	3.1	Rớt	
33	VHU.TAC1.03.033	181A140489	Bừu Vinh Bảo	Long	03/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	8.0	7.0	7.5	6.0	28.5	7.1	Đậu	
34	VHU.TAC1.03.034	131A140119	Trương Thị Trúc	Lý	10/01/1994	Quảng Nam	6.0	6.0	4.5	8.5	25.0	6.3	Đậu	BL: Nói: 6.0, Viết: 8.5
35	VHU.TAC1.03.035	181A140175	Phạm Thị Phương	Mai	25/10/2000	Gia lai	5.5	9.0	6.5	6.5	27.5	6.9	Đậu	BL: Nói: 5.5, Nghe: 9.0, Đọc: 6.5
36	VHU.TAC1.03.036	161A140319	Nguyễn Thị Cẩm	My	28/08/1998	Cà Mau					0.0	0.0	Rớt	Vắng
37	VHU.TAC1.03.037	181A140398	Vô Trần Thị Tuyết	Ngân	26/03/2000	Long An	4.5	5.0	3.0	3.5	16.0	4.0	Rớt	
38	VHU.TAC1.03.038	151A140522	Lê Thị Thảo	Nguyễn	14/09/1997	Đồng Tháp		2.5	1.0	9.0	12.5	3.1	Rớt	BL: Viết: 9.0
39	VHU.TAC1.03.039	161A140580	Đặng Thị Cẩm	Như	02/05/1998	TP. Hồ Chí Minh	6.5	7.5	5.5	6.0	25.5	6.4	Đậu	
40	VHU.TAC1.03.040	181A140286	Nguyễn Lâm Quỳnh	Như	05/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	4.5	6.5	5.0	21.0	5.3	Đậu	
41	VHU.TAC1.03.041	161A140107	Đinh Thị Quỳnh	Như	03/09/1998	Long An	6.0	5.0	3.0	3.0	17.0	4.3	Rớt	
42	VHU.TAC1.03.042	171A140182	Lý Minh	Phát	05/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	4.0	4.5	3.5	18.0	4.5	Rớt	
43	VHU.TAC1.03.043	181A270001	Vũ Thị Bảo	Phương	23/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.0	4.5	1.0	16.5	4.1	Rớt	
44	VHU.TAC1.03.044	151A140469	Đào Thị Ngọc	Quỳnh	06/05/1992	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
45	VHU.TAC1.03.045	151A140285	Nguyễn Hoàng	Quỳnh	09/04/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
46	VHU.TAC1.03.046	171A140144	Chu Minh Thuý	Quỳnh	10/09/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.5	3.5	5.0	3.0	18.0	4.5	Rớt	
47	VHU.TAC1.03.047	171A140180	Trần Ngô Hoàng	Sang	17/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	5.5	6.0	3.5	22.0	5.5	Đậu	
48	VHU.TAC1.03.048	171A140147	Nguyễn Lê Hồng	Son	09/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	2.5	7.0	4.5	21.0	5.3	Rớt	
49	VHU.TAC1.03.049	191A140185	Trần Thị	Thảo	14/10/2000	Đắk Lắk	5.0	4.0	5.0	2.0	16.0	4.0	Rớt	
50	VHU.TAC1.03.050	181A140364	Lê Anh	Thư	24/10/1999	Cà Mau	6.5	7.0	5.5	3.5	22.5	5.6	Đậu	BL: Nói: 6.5, Đọc: 5.5
51	VHU.TAC1.03.051	171A140146	Nguyễn Hoài	Thương	20/10/1999	Tiền Giang	7.0	5.5	7.0	6.0	25.5	6.4	Đậu	
52	VHU.TAC1.03.052	181A140072	Nguyễn Hoàng Nhật	Thuyền	27/04/2000	Khánh Hoà	5.5	6.0	4.0	4.0	19.5	4.9	Rớt	
53	VHU.TAC1.03.053	181A140351	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	01/12/2000	Đồng Nai	6.0	3.5	5.5	4.0	19.0	4.8	Rớt	
54	VHU.TAC1.03.054	151A140806	Trần Thị Thủy	Tiên	25/11/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	9.5	10.0	5.0	30.5	7.6	Đậu	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
55	VHU.TAC1.03.055	171A140129	Trương Văn	Tiến	10/07/1999	Đồng Nai	6.0	1.0	4.5	3.0	14.5	3.6	Rớt	
56	VHU.TAC1.03.056	171A140162	Nguyễn Duy	Tiến	09/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	6.0	7.5	5.0	24.5	6.1	Đậu	
57	VHU.TAC1.03.057	141A140043	Lê Nguyễn Hoàng	Trâm	25/03/1995	TP. Hồ Chí Minh	5.5	3.0	4.0	2.5	15.0	3.8	Rớt	
58	VHU.TAC1.03.058	171A140141	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	22/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	4.5	4.0	5.5	2.0	16.0	4.0	Rớt	
59	VHU.TAC1.03.059	171A140134	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/01/1999	Đồng Tháp	6.0	5.5	10.0	6.5	28.0	7.0	Đậu	
60	VHU.TAC1.03.060	151A140287	Trần Thị Mai	Trang	30/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	6.5	9.0	5.0	5.0	25.5	6.4	Đậu	BL: Nói: 6.5, Đọc: 5.0
61	VHU.TAC1.03.061	181A140132	Tô Thùy	Trang	06/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	2.5	5.5	4.0	18.0	4.5	Rớt	BL: Nói: 6.0, Đọc: 5.5
62	VHU.TAC1.03.062	161A140544	Đỗ Phúc	Trình	23/11/1998	Đồng Nai	5.5	7.5	7.0	6.0	26.0	6.5	Đậu	
63	VHU.TAC1.03.063	161A140046	Lê Diễm	Trình	24/11/1998	Cà Mau	6.5	9.0	8.0	6.0	29.5	7.4	Đậu	BL: Nói: 5.0, Nghe: 6.0
64	VHU.TAC1.03.064	151A140156	Nguyễn Hồng	Uyên	07/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	6.0	3.5	4.5	5.0	19.0	4.8	Rớt	
65	VHU.TAC1.03.065	181A140517	Ngô Thị	Vân	29/04/2000	Tây Ninh	5.0	4.0	2.5	2.0	13.5	3.4	Rớt	
66	VHU.TAC1.03.066	171A140122	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.5	8.5	7.5	5.5	29.0	7.3	Đậu	
67	VHU.TAC1.03.067	171A140149	Tô Hoàng	Vy	12/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	5.0	4.5	3.0	18.5	4.6	Rớt	
68	VHU.TAC1.03.068	171A140194	Huỳnh Thị Kim	Xuân	22/09/1999	Đồng Nai					0.0	0.0	Rớt	Vắng
69	VHU.TAC1.03.069	181A140278	Phan Thị Lệ	Yến	12/09/2000	Quảng Ngãi	7.0	5.0	6.0	5.5	23.5	5.9	Đậu	
70	VHU.TAC1.03.070	152A580027	Nguyễn Thị Hồng	Yến	19/12/1996	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng

Tổng số thí sinh theo danh sách: 70
Số thí sinh vắng kiểm tra: 11
Số thí sinh dự kiểm tra: 59
Số thí sinh rớt: 26
Số thí sinh đậu: 33

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TỬ MINH THIÊN